

BẢNG CHÚ GIẢI CÁC KÝ HIỆU TIẾNG VIỆT

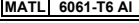
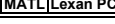
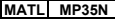
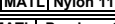
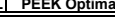
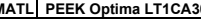
KÝ HIỆU	TÊN KÝ HIỆU	MÔ TẢ KÝ HIỆU	TIÊU CHUẨN THAM CHIẾU	TÊN TIÊU CHUẨN
	Nhà sản xuất	Biểu thị nhà sản xuất dụng cụ y tế.	5.1.1	EN ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	Ngày sản xuất	Biểu thị ngày sản xuất của dụng cụ y tế.	5.1.3	EN ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	Quốc gia sản xuất	Đề nhận dạng quốc gia sản xuất sản phẩm	5.1.11	EN ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	Đại diện được ủy quyền tại Cộng đồng châu Âu	Biểu thị đại diện được ủy quyền tại Cộng đồng châu Âu	5.1.2	EN ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	Đại diện được ủy quyền tại Thụy Sĩ	Cho biết đại diện được ủy quyền tại Thụy Sĩ	Không áp dụng	Quy định về Thiết bị Y tế tại Thụy Sĩ 812.213
	Nhà nhập khẩu	Biểu thị thực thể nhập khẩu dụng cụ y tế vào nơi nhập	5.1.8	EN ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	Nhà phân phối	Biểu thị thực thể phân phối dụng cụ y tế vào nơi nhập	5.1.9	EN ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	Dấu CE cho các sản phẩm loại 1s, 1m, Ir, IIa, IIb, III	Không áp dụng	Không áp dụng	
	Dấu CE cho các sản phẩm NSO loại 1s, 1m, Ir, IIa, IIb, III	Không áp dụng	Không áp dụng	
	Dấu CE cho các sản phẩm loại I	Không áp dụng	Không áp dụng	
	Dấu UKCA cho các Sản phẩm Loại I	Cho biết mức độ tuân thủ các quy định về thiết bị y tế của Vương quốc Anh	Không áp dụng	Không áp dụng
	Dấu UKCA cho các Sản phẩm Loại Is, Im, IIa, IIb và III – Chỉ dành cho Sản phẩm của NuVasive Inc.	Cho biết mức độ tuân thủ các quy định về thiết bị y tế của Vương quốc Anh, thể hiện số Cơ quan được Chấp thuận của Vương quốc Anh cho BSI Vương quốc Anh. Chỉ sử dụng với các sản phẩm của NuVasive Inc, không sử dụng với các sản phẩm NuVasive Specialized Orthopedics..	Không áp dụng	Không áp dụng

	Tham khảo Hướng dẫn sử dụng Có trên trang web của NuVasive tại www.nuvasive.com/eifu	Biểu thị người dùng cần tham khảo hướng dẫn sử dụng.	5.4.3	EN ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	Tham khảo Hướng dẫn sử dụng hoặc tham khảo Hướng dẫn sử dụng điện tử	Biểu thị người dùng cần tham khảo hướng dẫn sử dụng.	5.4.3	EN ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
Rx ONLY	Chỉ dùng theo chỉ định của bác sĩ Chỉ dùng cho mục đích chuyên môn	Thận trọng: Luật liên bang (Hoa Kỳ) giới hạn dụng cụ này chỉ được bán bởi hoặc theo yêu cầu của bác sĩ. Biểu thị sản phẩm được chỉ định để chỉ sử dụng cho mục đích chuyên môn.	Không áp dụng	
	Dụng cụ y tế	Biểu thị mặt hàng này là một dụng cụ y tế	5.7.7	ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	Số catalogue	Biểu thị số danh mục của nhà sản xuất như vậy có thể nhận dạng dụng cụ y tế.	5.1.6	EN ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	Mã lô	Biểu thị mã lô của nhà sản xuất như vậy có thể nhận dạng mẻ hoặc lô.	5.1.5	EN ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	Số sê-ri	Biểu thị số sê-ri của nhà sản xuất như vậy có thể nhận dạng một dụng cụ y tế cụ thể.	5.1.7	EN ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	Số lượng	Biểu thị số lượng.	Không áp dụng	
	Mã nhận dạng dụng cụ duy nhất	Biểu thị một vật mang có thông tin mã nhận dạng dụng cụ duy nhất	5.7.10	EN ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	Nhận dạng bệnh nhân	Biểu thị dữ liệu nhận dạng của bệnh nhân	5.7.3	ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	Ngày	Biểu thị ngày nhập thông tin hoặc xảy ra quy trình y tế	5.7.6	EN ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	Trung tâm chăm sóc sức khỏe hoặc bác sĩ	Biểu thị địa chỉ của trung tâm chăm sóc sức khỏe hoặc bác sĩ nơi có thể tìm thấy thông tin y tế về bệnh nhân	5.7.5	EN ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	Trang web thông tin cho bệnh nhân	Biểu thị một trang web nơi bệnh nhân có thể lấy thêm thông tin về sản phẩm y tế.	5.7.4	EN ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	Bản dịch	Biểu thị thông tin ban đầu về dụng cụ y tế đã được biên dịch để bổ sung hoặc thay thế thông tin ban đầu	5.7.8	EN ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	Chiều cao trước	Biểu thị chiều cao trước của các bộ phận cấy ghép liên thân đốt sống	Không áp dụng	
	Chiều cao sau	Biểu thị chiều cao sau của các bộ phận cấy ghép liên thân đốt sống	Không áp dụng	
	Chiều cao tối đa	Biểu thị chiều cao tối đa của các bộ phận cấy ghép liên thân đốt sống	Không áp dụng	
	Không tái sử dụng	Biểu thị một dụng cụ y tế được thiết kế để sử dụng một lần.	5.4.2	EN ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung

	Không vô trùng	Biểu thị một dụng cụ y tế chưa được trải qua quá trình tiệt trùng.	5.2.7	EN ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	Không vô trùng, Tiệt trùng bằng hơi nước trước khi sử dụng	Biểu thị một dụng cụ y tế chưa được trải qua quá trình tiệt trùng và biểu thị rằng một dụng cụ y tế có thể tiệt trùng trong máy tiệt trùng bằng hơi nước.	Không áp dụng	
	Được tiệt trùng bằng chiếu xạ	Biểu thị một dụng cụ y tế đã được tiệt trùng bằng cách chiếu xạ.	5.2.4	EN ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	Được tiệt trùng bằng Ethylene Oxide	Biểu thị một dụng cụ y tế đã được tiệt trùng bằng ethylene oxide.	5.2.3	EN ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	Hệ thống rào chắn vô trùng đơn	Biểu thị một hệ thống rào chắn vô trùng đơn.	5.2.11	ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	Hệ thống rào chắn cô trùng đơn có bao bì bảo vệ bên ngoài	Biểu thị một hệ thống rào chắn cô trùng đơn có bao bì bảo vệ bên ngoài	5.2.14	ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	Hệ thống rào chắn vô trùng kép	Biểu thị hai hệ thống rào chắn vô trùng	5.2.12	ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	Hệ thống rào chắn cô trùng kép bên trong bao bì bảo vệ	Biểu thị hai hệ thống rào chắn vô trùng có bao bì bảo vệ bên ngoài	Không áp dụng	
	Hạn sử dụng	Biểu thị ngày sau đó dụng cụ y tế không được phép sử dụng.	5.1.4	EN ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	Không tiệt trùng lại	Biểu thị một dụng cụ y tế không được phép tiệt trùng lại.	5.2.6	EN ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	Không sử dụng nếu bao bì bị hư tổn và tham khảo Hướng dẫn sử dụng	Biểu thị không nên sử dụng một dụng cụ y tế nếu bao bì đã bị hư tổn hoặc bị hở và người dùng nên tham khảo hướng dẫn sử dụng để biết thêm thông tin.	5.2.8	EN ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	Giới hạn nhiệt độ	Biểu thị các giới hạn nhiệt độ mà dụng cụ y tế có thể tiếp xúc an toàn.	5.3.7	EN ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	Giới hạn trên của nhiệt độ	Biểu thị giới hạn trên của nhiệt độ mà dụng cụ y tế có thể tiếp xúc an toàn.	5.3.6	EN ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	Cách điện kép	Lớp cách điện bao gồm cả LỚP CÁCH ĐIỆN CƠ BẢN và LỚP CÁCH ĐIỆN BỔ SUNG. Có hai rào chắn cách điện giữa người dùng và lối vào cho nguồn điện	3.23	IEC 60601-1: 2005 Thiết bị điện y tế – Phần 1: Các yêu cầu chung về độ an toàn cơ bản và hiệu suất thiết yếu
	Tương thích Cộng hưởng từ Có điều kiện	Ký hiệu Tương thích Cộng hưởng từ Có điều kiện, và/hoặc thuật ngữ "Tương thích Cộng hưởng từ Có điều kiện" phải xuất hiện trên nhãn thiết bị và liệt kê các điều kiện mà theo đó, một thiết bị y tế được dự đoán sẽ đi vào môi trường Cộng hưởng từ (hoặc bệnh nhân có bộ phận cấy ghép, hoặc thiết bị y tế được gắn vào bệnh nhân, hoặc thiết bị y tế được bệnh nhân mang theo) có thể đi vào môi trường Cộng hưởng từ một cách an toàn như mô tả trong ASTM F2503.	VIII	Guidance for Industry and Food and Drug Administration Staff: Testing and Labeling Medical Devices for Safety in the Magnetic Resonance (MR) Environment, May 20, 2021

	Tương thích cộng hưởng từ	Nhận dạng một vật tư không gây ra nguy cơ không chấp nhận được trong các điều kiện đã định cho bệnh nhân, nhân viên y tế hoặc những người khác trong môi trường cộng hưởng từ.	62570-7.3.2	IEC TR 60878:2015 – Các biểu tượng bằng hình ảnh cho thiết bị điện trong thực hành y khoa
	Không an toàn trong môi trường cộng hưởng từ	Nhận dạng một vật tư gây ra nguy cơ không chấp nhận được cho bệnh nhân, nhân viên y tế hoặc những người khác trong môi trường cộng hưởng từ.	62570-7.3.3	IEC TR 60878:2015 – Các biểu tượng bằng hình ảnh cho thiết bị điện trong thực hành y khoa
	Thận trọng	Biểu thị rằng cần phải thận trọng khi thao tác dụng cụ hoặc kiểm soát gần với chỗ đặt ký hiệu, hoặc tình huống hiện tại cần sự nhận thức của người vận hành hoặc hành động của người vận hành để tránh hậu quả không mong muốn	5.4.4	EN ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	Dấu hiệu cảnh báo chung	Báo hiệu một cảnh báo chung.	W001	ISO 7010:2011 Các ký hiệu bằng hình ảnh – Các màu về độ an toàn và các ký hiệu an toàn – Các dấu hiệu an toàn đã đăng ký
	Thận trọng, Bề mặt nóng	Biểu thị rằng vật tư được đánh dấu có thể nóng và không nên chạm vào mà không cần thận.	5041	IEC TR 60878:2015 – Các biểu tượng bằng hình ảnh cho thiết bị điện trong thực hành y khoa
	Dòng điện xoay chiều	Biểu thị trên bảng định mức rằng thiết bị chỉ phù hợp với dòng điện xoay chiều; để nhận dạng các cực liên quan.	5032	IEC TR 60878:2015 – Các biểu tượng bằng hình ảnh cho thiết bị điện trong thực hành y khoa
	Dòng điện một chiều	Biểu thị trên bảng định mức rằng thiết bị chỉ phù hợp với dòng điện một chiều; để nhận dạng các cực liên quan.	5031	IEC TR 60878:2015 – Các biểu tượng bằng hình ảnh cho thiết bị điện trong thực hành y khoa
A	Ampe (A)	Biểu thị đơn vị dòng điện.	Không áp dụng	
	Đăng thế	Để nhận dạng các cực mà, khi được kết nối với nhau, mang các bộ phận khác nhau của một thiết bị hoặc của một hệ thống về cùng điện thế, không nhất thiết phải là điện thế đất, ví dụ: để nối cực bộ.	5021	IEC TR 60878:2015 – Các biểu tượng bằng hình ảnh cho thiết bị điện trong thực hành y khoa
	Nối đất; Tiếp địa	Để nhận dạng một cực nối đất (tiếp địa)	5017	IEC TR 60878:2015 – Các biểu tượng bằng hình ảnh cho thiết bị điện trong thực hành y khoa
	Bộ phận tiếp xúc bệnh nhân loại BF	Để nhận dạng một bộ phận tiếp xúc bệnh nhân loại BF	5333	IEC TR 60878:2015 – Các biểu tượng bằng hình ảnh cho thiết bị điện trong thực hành y khoa
	Giới hạn áp suất khí quyển	Biểu thị khoảng áp suất khí quyển mà dụng cụ y tế có thể tiếp xúc an toàn.	5.3.9	EN ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	Giới hạn độ ẩm	Biểu thị khoảng độ ẩm mà dụng cụ y tế có thể tiếp xúc an toàn.	5.3.8	EN ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu chung
	“BẬT” (nguồn)	Biểu thị kết nối với điện lưới, ít nhất đối với các công tắc điện lưới hoặc vị trí của chúng, và tất cả các trường hợp có liên quan đến an toàn.	5007	IEC TR 60878:2015 – Các biểu tượng bằng hình ảnh cho thiết bị điện trong thực hành y khoa
	“TẮT” (nguồn)	Biểu thị ngắt kết nối khỏi điện lưới, ít nhất đối với các công tắc điện lưới hoặc vị trí của chúng, và tất cả các trường hợp có liên quan đến an toàn.	5008	IEC TR 60878:2015 – Các biểu tượng bằng hình ảnh cho thiết bị điện trong thực hành y khoa
	Chờ	Để nhận dạng công tắc hoặc vị trí công tắc mà nhờ đó một phần của thiết bị được bật để đưa nó vào tình trạng chờ.	5009	IEC TR 60878:2015 – Các biểu tượng bằng hình ảnh cho thiết bị điện trong thực hành y khoa
	Cảnh báo; Chùm tia laser	Để cảnh báo về các vật liệu phóng xạ hoặc bức xạ ion hóa.	W003	IEC TR 60878:2015 – Các biểu tượng bằng hình ảnh cho thiết bị điện trong thực hành y khoa
	Từ trường	Để biểu thị các mối nguy hiểm cụ thể liên quan đến sự hiện diện của từ trường mạnh.	W006	ISO 7010:2011 Các ký hiệu bằng hình ảnh – Các màu về độ an toàn và các ký hiệu an toàn – Các dấu hiệu an toàn đã đăng ký
	Điện áp nguy hiểm	Biểu thị các nguy cơ phát sinh từ điện áp nguy hiểm.	5036	IEC TR 60878:2015 – Các biểu tượng bằng hình ảnh cho thiết bị điện trong thực hành y khoa

	Thận trọng, Nguy cơ điện giật	Để nhận dạng thiết bị có nguy cơ điện giật.	6042	ISO 7000/ IEC 60417 – Các ký hiệu bằng hình ảnh để sử dụng trên dụng cụ
	Thiết bị điện tử: Thái bỏ đúng cách	Biểu thị thiết bị điện tử cần được thái bỏ đúng cách.	4.1 b) 2)	EN 50419 – Đánh dấu thiết bị điện theo Điều 11(2) của Chỉ thị 2002/96/EC (WEEE)
IPX0	Không được bảo vệ khỏi sự xâm nhập của chất lỏng	Biểu thị rằng sự bảo vệ khỏi sự xâm nhập của chất lỏng không được cung cấp.	Không áp dụng	IEC 60529 – Các mức độ bảo vệ được cung cấp bởi vỏ ngoài (Mã IP)
	Bức xạ điện từ không ion hóa	Biểu thị các mức bức xạ không ion hóa thường tăng lên, có khả năng nguy hiểm, hoặc biểu thị thiết bị hoặc hệ thống.	5140	IEC TR 60878:2015 – Các biểu tượng bằng hình ảnh cho thiết bị điện trong thực hành y khoa
	Hướng đặt với các mũi tên	Ký hiệu này biểu thị hướng của dụng cụ so với bệnh nhân. Bệnh nhân cần nhìn thấy được ký hiệu này cùng với các mũi tên chỉ về phía bàn chân họ. LEFT (TRÁI) biểu thị bên trái của thiết bị được đặt ở bên trái bệnh nhân. RIGHT (PHẢI) biểu thị bên phải của thiết bị được đặt ở bên phải bệnh nhân.	Không áp dụng	
	Không đẩy	Cấm đẩy lên một vật	P017	ISO 7010:2011 Các ký hiệu bằng hình ảnh – Các màu về độ an toàn và các ký hiệu an toàn – Các dấu hiệu an toàn đã đăng ký
	Không được tiếp cận đối với người có thiết bị cấy ghép hoạt động trong tim.	Những người có máy tạo nhịp tim hoặc thiết bị cấy ghép hoạt động tương tự không nên xử lý hoặc tiếp xúc với dụng cụ này.	P007	ISO 7010:2011 Các ký hiệu bằng hình ảnh – Các màu về độ an toàn và các ký hiệu an toàn – Các dấu hiệu an toàn đã đăng ký
	Pin lithium ion	Thiết bị này có chứa hoặc được đóng gói với các tế bào hoặc pin lithium ion	7.1.5.5	Quy định về hàng hóa nguy hiểm của IATA
	Vật liệu từ tính	Để xa bộ phát hiện địa bàn của máy bay	7.4.1	Quy định về hàng hóa nguy hiểm của IATA
	Nguy hiểm điểm kẹt	Biểu thị nguy hiểm điểm kẹt	Không áp dụng	ISO 7010:2011 Các ký hiệu bằng hình ảnh – Các màu về độ an toàn và các ký hiệu an toàn – Các dấu hiệu an toàn đã đăng ký
	Dấu hiệu cấm chung	Báo hiệu một hành động bị cấm	P001	ISO 7010:2011 Các ký hiệu bằng hình ảnh – Các màu về độ an toàn và các ký hiệu an toàn – Các dấu hiệu an toàn đã đăng ký
	Dấu hiệu hành động bắt buộc chung	Báo hiệu một hành động bắt buộc	M001	ISO 7010:2011 Các ký hiệu bằng hình ảnh – Các màu về độ an toàn và các ký hiệu an toàn – Các dấu hiệu an toàn đã đăng ký
	Tham khảo sổ/sách hướng dẫn sử dụng	Báo hiệu rằng phải đọc sổ/sách hướng dẫn sử dụng	M002	ISO 7010:2011 Các ký hiệu bằng hình ảnh – Các màu về độ an toàn và các ký hiệu an toàn – Các dấu hiệu an toàn đã đăng ký
	Dấu tuân thủ RCM	Cho biết sự tuân thủ theo các thỏa thuận quy định ACMA (Úc & New Zealand), nhân là Dấu Tuân thủ theo Quy định (Regulatory Compliance Mark, RCM).	Không áp dụng	
	Tuân thủ RoHS (Hạn chế các chất nguy hại)	Quy định RoHS đảm bảo rằng các sản phẩm an toàn để sử dụng tại các thị trường châu Âu	Không áp dụng	Hạn chế các chất nguy hại trong thiết bị điện và điện tử (RoHS)
	SẢN PHẨM LASER LOẠI 2 BỨC XẠ LASER KHÔNG NHÌN THẤY KHÔNG NHÌN VÀO CHÙM TIA Sản phẩm này phù hợp với tiêu chuẩn IEC 60825-1: 2007-03 Ed.2.0 và với 21CFR 1040.10 và 1040.11 ngoại trừ các sai lệch theo Thông báo về laser số 50, ngày 24 tháng 6 năm 2007. Công suất tối đa: <1,0 mW, 635,0 nm	Biểu thị nguy hiểm bức xạ laser	Không áp dụng	IEC 60825-1:2014 – Tính an toàn của các sản phẩm laser - Phần 1: Phân loại thiết bị và các yêu cầu
	Liên hệ đường dây nóng	Biểu thị thông tin để liên hệ với dịch vụ khách hàng.	Không áp dụng	

	Máng tận cùng trong	Biểu thị máng tận cùng trong của dụng cụ y tế.	Không áp dụng	
	Máng tận cùng trên	Biểu thị máng tận cùng trên của dụng cụ y tế.	Không áp dụng	
	Có chứa hoặc có mặt Phthalate	Biểu thị rằng thiết bị có chứa sản phẩm hoặc chất được nhận dạng.	2725	IEC TR 60878:2015 – Các biểu tượng bằng hình ảnh cho thiết bị điện trong thực hành y khoa
	Không chứa mủ cao su	Biểu thị rằng thiết bị không chứa sản phẩm hoặc chất được nhận dạng.	Không áp dụng	
	Biểu tượng chất nguy hiểm cho vật liệu Cobalt	Cho biết rằng vật liệu là một chất độc hại trên nhãn.	5.4.10	EN ISO 15223-1:2021 Dụng cụ y tế – Các ký hiệu được sử dụng với các nhãn dụng cụ y tế, nhãn và thông tin cần được cung cấp – Phần 1: Các yêu cầu Chung
	Vật liệu	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
	Vật liệu: Nhôm anod hóa, Hợp kim nhôm	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
	Vật liệu: Acrylobutadienestyrene	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
	Vật liệu: Nhôm, Hợp kim nhôm	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
	Vật liệu: Nhôm oxit	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
	Vật liệu: Alkylene Oxide Copolymer	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
	Vật liệu: Canxi Phosphate	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
	Vật liệu: Hợp kim Coban Crôm Molybden, Coban-Crôm	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
	Vật liệu: Collagen	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
	Vật liệu: Titan tinh khiết bán trên thị trường, các hạng khác nhau	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
	Vật liệu: Lớp phủ giống kim cương, Carbon giống kim cương	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
	Vật liệu: Hydroxyapatite	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
	Vật liệu: Chất dẻo Lexan Polycarbonate	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
	Vật liệu: Hợp kim Niken-Coban-Crôm-Molybden	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
	Vật liệu: Thép không gỉ Nitronic 60	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
	Vật liệu: Hợp kim Niken-Titan, Nitinol	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
	Vật liệu: Nylon 11	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
	Vật liệu: Chất dẻo Parylene-C	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
	Vật liệu: Polycarbonate	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
	Vật liệu: Polydimethylsiloxane	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
	Vật liệu: Polyether-ether-ketone	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
	Vật liệu: Polyether-ether-ketone Optima LT-1	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
	Vật liệu: Polyether-ether-ketone gia cường bằng sợi carbon	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
	Vật liệu: Polyether-ether-ketone Scoria	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
	Vật liệu: Polyetherimide	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
	Vật liệu: Polyethyleneterephthalate	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
	Vật liệu: Polymethylmethacrylate	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
	Vật liệu: Polyurethane	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
	Vật liệu: Polyphenylsulfone	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
	Vật liệu: Polyphenylsulfone/Polyetherimide	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
	Vật liệu: Polyvinyl Chloride	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	

MATL Radel	Vật liệu: Radel Polyphenylsulfone, các loại khác nhau	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
MATL Si	Vật liệu: Silicone	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
MATL SS	Vật liệu: Thép không gỉ, các hạng khác nhau	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
MATL Ta	Vật liệu: Tantalum	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
MATL TCP	Vật liệu: Tricanxi Phosphate, Canxi Phosphate	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
MATL Ti	Vật liệu: Titan	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
MATL Ti-6Al-4V	Vật liệu: Hợp kim titan	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
MATL Ti-6Al-4V ELI	Vật liệu: Hợp kim titan	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
MATL TPS	Vật liệu: Phun plasma titan	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
MATL UHMWPE	Vật liệu: Polyethylene trọng lượng phân tử siêu cao	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	
MATL ZrO2	Vật liệu: Zirconium dioxide	Biểu thị vật liệu sản xuất.	Không áp dụng	